

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa

Điện thoại: 02373 724 668

Fax: 02373 757 886

Website: <http://www.pvc-th.vn>

Email: info@pvc-th.vn



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XLDK VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 57/XLDKTH-TCHC

Thanh Hóa, Ngày 14 tháng 6 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Về việc: Báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty PVC-TH

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty : Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Thanh Hóa

Trụ sở chính : Số 38A Đại lộ Lê Lợi, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa

Điện thoại : 02373 724 668 Fax: 02373 757 886

Người CBTT : Nguyễn Thị Huệ

Địa chỉ : SN 47/4 Nam Cao - Phường Tân Sơn - TP. Thanh Hóa

Điện thoại : 091.651.7799

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Thanh Hóa công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2021 .

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Nguyễn Thị Huệ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 1300/UBCK-QLPH ngày 09/05/2011 của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước công nhận Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Thanh Hóa là công ty đại chúng.

Căn cứ Quyết định số 330/QĐ - SGDHN ngày 10/05/2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận việc đăng ký giao dịch cổ phiếu, niêm yết trên sàn UPCOM;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa được Đại hội đồng cổ đông thường niên sửa đổi và thông qua ngày 27/04/2021;


Thực hiện theo luật và yêu cầu của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Thanh Hóa kính báo cáo tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2021, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

1. Thông tin khái quát

- Tên công ty : Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Thanh Hóa
- Tên quốc tế : ThanhHoa Petroleum Construction Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp: 2800947548
- Vốn điều lệ: 210.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 210.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ : Tầng 10, Tòa nhà Dầu khí, số 38A đại lộ Lê Lợi, P.Điện Biên, TP.ThanhHóa.
- Điện thoại : 02373.724.668
- Fax : 02373.757.886
- Website : www.pvc-th.vn
- Mã cổ phiếu: PVH
- Mã số thuế : 2800947548
- Số tài khoản : 45000015568668
- Mở tại : Seabank - Chi nhánh Thanh Hóa

2. Quá trình hình thành và phát triển:

	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM		
	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA		
	Địa chỉ:	Tầng 10, Tòa nhà dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa	
	Điện thoại:	02373 724 668	Fax: 02373 757 886
Website:	http://www.pvc-th.vn		Email: info@pvc-th.vn

Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Thanh Hóa tiền thân là Công ty cổ phần Thịnh Phát, được thành lập theo giấy chứng nhận số 2800947548 do Sở KH&ĐT tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 16 tháng 02 năm 2006 và thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 10 năm 2021;

Năm 2010, Tổng công ty PVC tiến hành đầu tư vào Công ty cổ phần Thịnh Phát và tại Đại hội cổ đông họp ngày 22/08/2010 đã ban hành Nghị quyết số 50/NQ-ĐHĐCĐ về việc chính thức thay đổi tên Công ty cổ phần Thịnh Phát thành Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH) và tăng vốn điều lệ từ 3,5 tỷ lên 210 tỷ đồng;

Ngày 09/05/2011, Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Thanh Hóa đã được Ủy ban chứng khoán Nhà Nước Công nhận là công ty đại chúng theo công văn số 1300/UBCK-QLPH.

Ngày 10/5/2017, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Thanh Hóa, niêm yết trên sàn UPCOM theo Quyết định số 330/QĐ-SGDHN ngày 10/5/2017.

Ngày giao dịch đầu tiên: thứ 6 ngày 19/5/2017; Mã CP: PVH; giá tham chiếu cho phiên giao dịch đầu tiên: 6.600 đồng/cổ phiếu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1 Ngành nghề kinh doanh

- Công ty hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực:
- Xây lắp chuyên ngành dầu khí; sản xuất vật liệu, kết cấu xây dựng; phát triển hạ tầng khu công nghiệp; khai thác khoáng sản tại địa bàn tỉnh Thanh Hóa và Bắc Trung Bộ;
- + Đầu tư bất động sản và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất để cho thuê đất đã có hạ tầng;
- + Phát triển các dự án nhà ở trong khu đô thị, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp;
- + Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, công trình đường dây và trạm biến áp điện đến 35KV; công trình giao thông đường bộ;
- + Công trình thể thao ngoài trời, công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị và khu kinh tế; Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;
- Thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng và phụ gia xi măng: đá bazan, silic, quặng sắt làm phụ gia xi măng, sắt thép, xi măng, clanke, đá vôi, đá ốp lát, đá sét, cát, gạch, ngói và tấm lợp các loại, đất, đá san lấp, bô xít, đá split, secpentin, thạch cao.

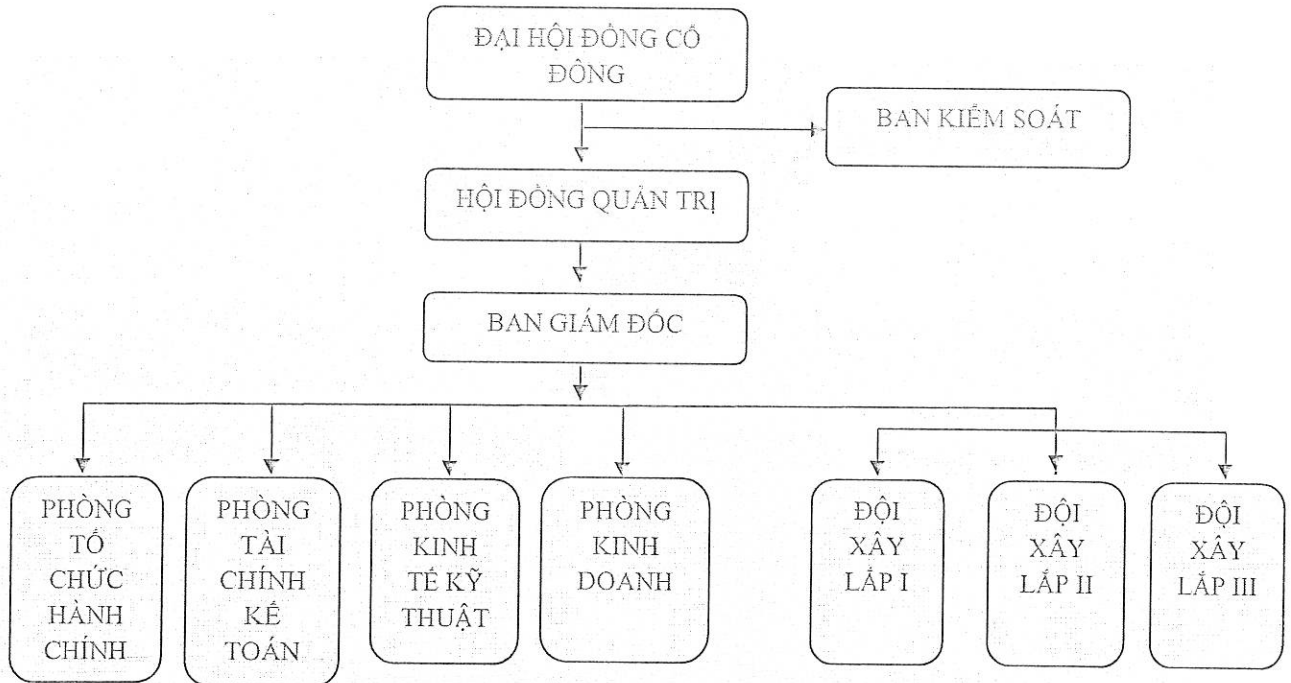
3.2 Địa bàn kinh doanh

- Thị trường thi công chủ yếu: Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2; Tỉnh Quảng Ninh, các huyện lân cận thuộc Tỉnh Thanh Hoá và các địa bàn khác trong toàn quốc.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị công ty


MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ




Cơ cấu quản lý bộ máy

➤ Đại hội đồng cổ đông:

- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần.
- Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - + Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - + Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - + Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
 - + Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - + Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm;
 - + Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - + Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
 - + Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
 - + Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - + Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

 PVC - TH	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA		
	Địa chỉ:	Tầng 10, Tòa nhà dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa	
Điện thoại:	02373 724 668	Fax: 02373 757 886	Email: info@pvc-th.vn
Website:	http://www.pvc-th.vn		

- + Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- + Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
 - *Ban kiểm soát:*
 - Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty.
 - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
 - Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
 - Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
 - *Hội đồng quản trị*
 - Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có nhiệm vụ:
 - + Báo cáo trước Đại hội cổ đông tình hình sản xuất kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo quyết toán tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - + Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động và quỹ lương của Công ty;
 - + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - + Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Công ty;
 - + Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, quyết định triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.
 - *Ban Giám đốc:*
 - Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, vị trí quản lý khác trong Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và bãi nhiệm.
 - Ban Giám đốc có nhiệm vụ:
 - + Giám đốc có quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm cán bộ quản lý khác trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, sau khi được HĐQT chấp thuận. Việc bổ nhiệm này phải phù hợp với cơ cấu quản lý của Công ty. Giám đốc quyết định sau khi tổ chức lấy ý kiến tham khảo với các Phó Giám đốc và bộ phận nhân sự.
 - + Tổ chức triển khai thực hiện các Nghị Quyết, Quyết định của HĐQT, các kế hoạch kinh doanh;
 - + Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo đúng Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
 - + Ký các văn bản, hợp đồng, chứng từ theo sự phân cấp của Điều lệ Công ty;

	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA		
	Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa Điện thoại: 02373 724 668 Website: http://www.pvc-th.vn	Fax: 02373 757 886 Email: info@pvc-th.vn	

+ Báo cáo trước HĐQT tình hình hoạt động tài chính, kết quả kinh doanh và chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của công ty;

➤ *Phòng Tổ chức hành chính*

Phòng TCHC là Phòng chức năng giúp việc cho Lãnh đạo Công ty về các lĩnh vực:

- Công tác hành chính, tổng hợp, văn thư - lưu trữ;
- Công tác tuyển dụng nhân sự, công tác tổ chức, công tác cán bộ;
- Công tác đổi mới phát triển doanh nghiệp;
- Công tác tiền lương và chính sách đối với người lao động, công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, công tác thi đua khen thưởng;
- Công tác cổ đông

➤ *Phòng tài chính kế toán*

- Là Phòng chức năng tham mưu, giúp việc cho Lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán Tín dụng của Công ty;
- Giúp Hội đồng quản trị và Giám đốc kiểm soát dòng tiền trong các hoạt động kinh tế của Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty;
- Là phòng chức năng giúp việc cho Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty quản lý chi phí của Công ty.

➤ *Phòng Kinh tế - kỹ thuật*

- Phòng Kinh tế - kỹ thuật là Phòng chuyên môn tham mưu giúp việc cho Lãnh đạo Công ty về lĩnh vực công tác:
- Tiếp thị, đấu thầu xây lắp, kinh tế và quản lý hợp đồng; xây dựng hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá nội bộ, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư các dự án, hồ sơ dự thầu;
- Quản lý kỹ thuật chất lượng, quản lý tiến độ thi công các công trình;
- Ứng dụng công nghệ mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất;
- Công tác bảo hộ lao động;
- Tổ chức thực hiện công tác quản lý máy móc, thiết bị thi công;
- Kiểm tra, giám sát công tác lắp đặt máy móc, thiết bị thi công.

➤ *Phòng Kinh doanh*

- Phòng kinh doanh có nghĩa vụ nhận và sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển các nguồn lực được Công ty giao để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh;
- Xây dựng nhiệm vụ, kế hoạch kinh doanh hàng năm trình Giám đốc phê duyệt;
- Khảo sát, điều tra và nghiên cứu thị trường nhằm mục đích thu hút các dự án đầu tư, các công việc đầu tư, kinh doanh hiện tại và tương lai cho Công ty;
- Trực tiếp thực hiện một số hoạt động kinh doanh, mua bán hàng hóa và dịch vụ với thị trường bên ngoài;
- Công tác phòng cháy chữa cháy;
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Giám đốc Công ty.

➤ *Các Đội xây lắp : Gồm 3 đội*

- Các Đội có nhiệm vụ thi công xây dựng các công trình được Công ty giao đảm bảo tiến độ, chất lượng với chủ đầu tư.
- An toàn lao động, vệ sinh môi trường trên các công trình xây dựng;
- Tìm kiếm các công trình, dự án để thi công mang lại lợi nhuận cho Công ty;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Giám đốc Công ty.

5. Định hướng phát triển

	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM		
	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA		
Địa chỉ:	Tầng 10, Tòa nhà dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa		
Điện thoại:	02373 724 668	Fax:	02373 757 886
Website:	http://www.pvc-th.vn		Email: info@pvc-th.vn

- Nhất quán định hướng phát triển sản xuất kinh doanh Công ty ổn định, bền vững. Duy trì khối đoàn kết, thống nhất từ HĐQT, BKS, Ban điều hành Công ty cùng toàn thể người lao động để quyết tâm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà ĐHCĐ năm 2021 giao cho, chú trọng việc cải tạo sửa chữa lại Tòa nhà 38A để tìm kiếm các đối tác mới mang lại doanh thu cố định cho PVC-TH, đồng thời tạo tiền đề phát triển cho các năm kế tiếp.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của HĐQT để có biện pháp động viên, khuyến khích kịp thời những cá nhân, tập thể làm tốt nhiệm vụ, phát hiện và xử lý kịp thời những biểu hiện tiêu cực, thiếu tinh thần trách nhiệm. Tạo điều kiện thuận lợi cho CBCNV hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục giữ vững mối quan hệ gắn kết, tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của các cổ đông để phát triển văn hóa trong doanh nghiệp theo hướng tiên tiến, hiện đại tiếp tục nâng cao vị thế thương hiệu, uy tín đảm bảo Công ty phát triển bền vững. Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa của các cổ đông cũng như quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc đối với CBCNV trong toàn Công ty.

- Tuyên truyền nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm trong công tác phòng chống dịch bệnh, lên phương án, kế hoạch cũng như chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị trong công tác phòng chống dịch bệnh cũng như thực hiện tốt các khuyến cáo của các cơ quan chức năng có thẩm quyền và Bộ Y tế.

6. Các rủi ro

Trong năm 2021, hầu hết các công trình xây lắp của PVC-TH đã thi công xong, nhưng việc thanh quyết toán còn chậm do dịch bệnh kéo dài, các công trình thi công ở các địa phương khác nhau nên rất khó khăn trong việc đi lại. Mặt khác, tất cả các chính sách của Nhà nước hiện tại đều tập trung ưu tiên cho công tác phòng, chống dịch, nên việc tiếp thị đấu thầu, tìm kiếm việc làm trong năm 2021 của PVC-TH không hiệu quả.

Mặt khác, năng lực tài chính của PVC-TH xấu (nhiều năm thua lỗ), thiết bị thi công không có nên các công trình mà đơn vị thi công chủ yếu là nhận thầu phụ nên không có hiệu quả. Hơn thế nữa, một thời gian dài công ty không bố trí được công việc cho CBCNV nên bộ máy cán bộ kỹ thuật có năng lực bị thu hẹp, khi triển khai đấu thầu PVC-TH gặp rất nhiều khó khăn.


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

1. Tình hình xây lắp

Trong năm 2021, PVC-TH tiếp tục triển khai thi công Trạm biến áp SS01, SS02, SS03 thuộc Nhà máy nhiệt điện Thái Bình II, giá trị sản lượng thực hiện năm 2021 đạt: 3,33 tỷ đồng. Ghi nhận công trình đến 31/12/2021 là: 3,07 tỷ đồng.

Cuối năm 2021, thi công hạ tầng dự án Tokyo Garden: Sản lượng thi công đến nay đạt 2 tỷ đồng.

Năm 2021 PVC-TH đã quyết toán được công trình Trụ sở liên cơ số 3 tỉnh Quảng Ninh. Doanh thu còn lại từ quyết toán công trình Trụ sở liên cơ 3 tỉnh Quảng Ninh đạt: 7,15 tỷ đồng (cuối năm đã thu hồi được 3 tỷ đồng công nợ từ công trình này).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA	
 PVC-TH	Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa Điện thoại: 02373 724 608 Website: http://www.pvc-th.vn
	Fax: 02373 757 886 Email: info@pvc-th.vn

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021:

Một số chỉ tiêu chính đạt được trong năm 2021, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

ST T	Chỉ tiêu	KH năm 2021 (ĐHĐCĐ 2021 không thông qua)	TH năm 2021	Tỷ lệ HT/ KH (%)
1	Giá trị sản lượng	25,54	10,04	39%
2	Doanh thu	47,74	15,04	32%
3	Lợi nhuận sau thuế, trong đó:	0,1	(33,28)	
4	Giá trị Đầu tư	0	0	
5	Phải nộp ngân sách Nhà nước	1	1,4	140%
6	Thu nhập bình quân	7,7	7,7	100%

3. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác:

Doanh thu từ cho thuê VP làm việc: Do Tòa nhà xảy ra sự cố cháy nổ tòa nhà năm 2020 đến nay chưa khắc phục sửa chữa xong nên năm 2021 nên doanh Tòa nhà chỉ đạt 0,61 tỷ đồng (khoản doanh thu này chủ yếu từ việc trích thuê văn phòng 50 năm tại tầng 1 và tầng 2 của Ngân hàng Pvcombank Thanh Hóa).

Hiện nay, PVC-TH đang triển khai thi công sửa chữa cải tạo lại tòa nhà, dự kiến hoàn thành tháng 06/2022 để đưa vào khai thác sử dụng.

- Doanh thu hoạt động tài chính và các doanh thu khác đạt: 4,21 tỷ đồng.

4. Tình hình đầu tư:

Trong năm 2021 PVC-TH không triển khai thực hiện đầu tư dự án nào do tình hình tài chính của PVC-TH eo hẹp, tình hình dịch bệnh Covid 19 và thiên tai bùng phát.

5. Công tác nhân sự, tiền lương, đào tạo, khoa học công nghệ, an sinh xã hội

- Công tác trả lương cho CBCNV của Công ty được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

- Thu nhập bình quân thực hiện năm 2021 là: 7,7 triệu đồng/người/tháng.

- Số lao động bình quân tính đến 31/12/2021: 42 người

- Công ty đã thực hiện trả lương cho CBCNV đến hết tháng 12/ 2021.

- Tổng số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN tính đến ngày 31/12/2021: 0 đồng.

- Tình hình trích nộp bảo hiểm: Công ty nộp đầy đủ tiền bảo hiểm cho CBCNV đến tháng 12/2021.

Do tình hình sản xuất của Công ty chưa mở rộng và khả năng về tài chính hạn hẹp, nên năm 2021 Công ty không mở thêm các lớp đào tạo nguồn nhân lực.

5. Miễn nhiệm và bãi nhiệm Giám đốc công ty:

- Tháng 10/2021 có sự thay đổi Giám đốc điều hành Công ty;

- Ngày 14/10/2021 đã có Quyết định số 07/QĐ-XLTKTH-HĐQT Về việc: Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Thanh Hóa đối với Ông Đoàn Hữu Trắc.

- Ngày 14/10/2021 đã có Quyết định số 08/QĐ-XLTKTH-HĐQT Về việc: Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Thanh Hóa đối với Ông Phạm Văn Trường.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động của hội đồng quản trị

1.1 Công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động SXKD

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị PVC-TH đã tập trung giám sát công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty liên quan đến việc ký kết và thực hiện thi công các Hợp đồng thi công xây lắp. Hội đồng quản trị đã thống nhất về việc giao hạn mức ký Hợp đồng thi công dưới 20 tỷ đồng cho Giám đốc Công ty với điều kiện sử dụng vốn của Công ty không quá 10% giá trị một gói thầu và tổng mức vốn sử dụng các gói thầu không quá 10 tỷ đồng tại mọi thời điểm, đồng thời yêu cầu Giám đốc Công ty phải đảm bảo về việc bảo toàn vốn, cam kết hiệu quả thực hiện Hợp đồng và không phát sinh công nợ khó đòi.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc PVC-TH luôn nỗ lực và tích cực trong công tác tìm kiếm việc làm, tiếp thị đấu thầu nhằm tạo công ăn việc làm cho người lao động và tăng doanh thu cho Công ty.

Đặc biệt là những tháng cuối năm 2021, với sự thay đổi về nhân sự Ban điều hành (cụ thể ngày 14/10/2021 bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty đối với Ông Phạm Văn Trường) PVC-TH đã tiếp thị đấu thầu và ký Hợp đồng thi công một số công trình như:


- Đấu thầu qua mạng và trúng gói thầu: Thi công xây dựng công trình Sửa chữa công trình thoát nước tại lý trình Km19+350m và lý trình Km21+150m đường Khánh Hòa - Minh Xuân (ĐT.171). Giá trị Hợp đồng: 7,44 tỷ đồng;
- Tham gia tiếp thị chào giá với Tập đoàn Sun Hạ Long và trúng thầu gói hạ tầng Marina 2 với giá trị: 19,6 tỷ đồng;
- Tham gia tiếp thị chào giá với Tổng Công ty Anh Phát và trúng thầu công trình: Nhà dịch vụ cảng Nghi Sơn, giá trị gói thầu: 2,6 tỷ đồng;
- Tiếp tục triển khai thi công hạng mục trạm phát điện SS01, SS02, SS03 thuộc Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, giá trị sản lượng đạt: 1,85 tỷ đồng.

PVC - TH tiếp tục triển khai công tác tiếp thị đấu thầu với các đơn vị ngoài Tổng Công ty như : Công ty Điện lực Thanh Hoá, Tổng công ty XDTM và đầu tư Anh Phát, các gói thầu đấu thầu qua mạng...

Sau vụ cháy xảy ra vào ngày 16/01/2020 Tòa nhà dầu khí Thanh Hóa (38A Đại Lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa) chưa đi vào hoạt động trở lại, Hội đồng quản trị đã chấp thuận kế hoạch và phương án khắc phục sửa chữa Tòa nhà theo đề xuất của Giám đốc công ty.

Hiện nay, Giám đốc Công ty đang gấp rút thực hiện việc sửa chữa để đưa Tòa nhà hoạt động trở lại, nhằm mang lại doanh thu và hình ảnh cho PVC-TH (Dự kiến hoàn thành trước tháng 6/2022 để đưa vào khai thác sử dụng).

Mặt khác, kế hoạch sản xuất kinh doanh của PVC-TH năm 2021 không được ĐHCĐ thường niên năm 2021 thông qua nên việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc.

	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM		
	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA		
	Địa chỉ:	Tầng 10, Tòa nhà dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa	
	Điện thoại:	02373 724 668	Fax: 02373 757 886
	Website:	http://www.pvc-th.vn	
			Email: info@pvc-th.vn

1.2 Công tác thu hồi công nợ

Vấn đề liên quan đến các khoản công nợ của PVC-TH luôn được Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty quan tâm hàng đầu. Hội đồng quản trị đã chấp thuận phương án đề xuất của Giám đốc cho thành lập Ban thu hồi và xử lý nợ, trong đó Giám đốc Công ty làm Trưởng ban nhằm đẩy mạnh việc tập trung thu hồi công nợ cho Công ty.

Trong năm 2021 và 3 tháng đầu năm 2022, Ban Giám đốc PVC-TH đã thu hồi được: 17,6 tỷ đồng công nợ, cụ thể như sau:

- + Thu nợ từ BĐH dự án NĐTĐ2: 11,215 tỷ đồng
- + Thu nợ từ Công ty CP Tập đoàn đầu tư Quảng Ninh: 5,8 tỷ đồng
- + Thu nợ từ Công ty kết cấu kim loại và lắp máy dầu khí: 0,65 tỷ đồng.

Đối với các khoản công nợ phát sinh trong quá trình thi công xây lắp, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Giám đốc Công ty tập trung thu hồi triệt để, tạo dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho PVC-TH. Các khoản công nợ đầy đủ chứng từ, điều kiện thanh toán và hồ sơ pháp lý nhưng chưa thu hồi được, PVC-TH đã gửi hồ sơ đến các cơ quan Pháp luật có thẩm quyền để thu hồi công nợ cho Công ty.

Tại cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 27/11/2021, Hội đồng quản trị PVC-TH đã đề nghị Giám đốc Công ty rà soát lại toàn bộ công nợ, đánh giá nguyên nhân chủ quan và khách quan về việc thua lỗ ở một số Hợp đồng kinh tế đã ký từ 2017 đến nay, chỉ rõ các tập thể/cá nhân sai phạm cố tình thực hiện sai Nghị quyết và chủ trương cho Hội đồng quản trị, triệu tập các cá nhân liên quan để làm rõ những vấn đề gây thua lỗ, mất vốn cho Công ty. Các tập thể/cá nhân nào sai phạm (nếu có) sẽ chịu trách nhiệm trước Công ty và Pháp luật.

1.3 Công tác sắp xếp đổi mới Doanh nghiệp

PVC-TH là đơn vị hoạt động chủ yếu về lĩnh vực thi công xây lắp, vì thế trong năm vừa qua Ban điều hành Công ty luôn chú trọng việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức phù hợp với tình hình thực tế của Công ty như: Tinh giản lao động gián tiếp, tăng lao động trực tiếp và tiết giảm những chi phí không cần thiết. Việc đào tạo và tập trung nguồn nhân lực có chất lượng luôn được Giám đốc Công ty chú trọng, tăng cường công tác tuyển dụng bổ sung cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao phục vụ công tác tiếp thị đấu thầu, làm hồ sơ thanh quyết toán cũng như điều hành thi công đáp ứng yêu cầu cao tại các Dự án trọng điểm.

Cuối năm 2021, PVC-TH đã có sự thay đổi nhân sự trong Ban điều hành, cùng thời điểm đó PVC-TH đã kiện toàn và thay đổi lại mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty, giải thể Phòng Xây lắp I thay vào đó thành lập 03 đội thi công xây lắp (Đội xây lắp số 1, Đội xây lắp số 2 và Đội xây lắp số 3) nhằm chủ động trong công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm và công tác thi công xây dựng.

Bên cạnh đó PVC-TH vẫn đang tiếp tục rà soát và điều chỉnh lại chức năng, nhiệm vụ giữa các Phòng/Ban chuyên môn để phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.4 Công tác giám sát hoạt động tài chính

Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật, thực hiện mục tiêu, chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ được giao, tạo mối quan hệ với các tổ chức tín dụng trên địa bàn, thu hồi các công nợ cá nhân, tổ chức, kiểm soát chặt chẽ chi phí thi công.

1.5 Công tác cổ đông:

Công ty PVC-TH đã thực hiện việc công bố thông tin về các Báo cáo định kỳ, báo cáo bất thường trên trang web của Công ty, cũng như gửi các báo cáo đến Ủy ban chứng khoán nhà nước và sở Giao dịch chứng khoán nhà nước một cách chính xác, đầy đủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Các vấn đề liên quan đến việc cập nhật và điều chỉnh thông tin của các cổ đông luôn được Công ty tiếp nhận và thực hiện điều chỉnh theo đúng quy định của Pháp luật

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Hàng năm Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên về tình hình giám sát hoạt động của HĐQT và BGD Công ty một cách minh bạch công khai.

3. Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát

Trong năm 2021, các khoản thù lao của Hội đồng quản trị Công ty và Ban kiểm soát đã được chi trả cho các thành viên HĐQT và BKS theo đúng Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông 2021 thông qua.

Mức chi trả thù lao của từng thành viên HĐQT và BKS : theo kết quả kinh doanh năm 2021 được chi trả cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập	Ghi chú
I. Hội đồng quản trị			305.982.812	
1	Lê Anh Dũng	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	269.982.812	
2	Vũ Đức Tiến	Phó chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm	18.000.000	
3	Phạm Văn Tú	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	18.000.000	
II. Ban kiểm soát			36.000.000	
1	Lê Văn Đức	Trưởng BKS	12.000.000	
2	Hoàng Ngọc Dũng	Thành viên BKS	12.000.000	
3	Đỗ Dương Thông	Thành viên BKS	12.000.000	
	Cộng tổng		341.982.812	

IV. CÁC DỮ LIỆU THÔNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG, THÀNH VIÊN GÓP VỐN

1. Cổ đông góp vốn trong nước

Cổ đông	Giá trị sở hữu (đồng)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
I. Cổ đông nhà nước	75.600.000.000	7.560.000	36,00%
II. Cổ đông khác	134.400.000.000	13.440.000	64,00%
2.1. Cá nhân	87.000.000.000	8.700.000	41,429%
2.2. Tổ chức	47.400.000.000	4.740.000	22,571%

2. Danh sách Cổ đông lớn của Công ty PVC-TH

Danh sách Cổ đông lớn chiếm trên 5% vốn đến ngày 31/12/2021:

ST T	Tên Cổ Đông	Giấy ĐKKD	Tên Tổ chức	Số cổ phần	Tỷ lệ góp vốn (%)
1	TCT CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3500102365	Tầng 25, Tòa nhà CEO, lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	7.560.000	36,00%
2	Công ty CP quản lý quỹ Leadvisors	84/GPKD-UBCK	Tầng 10 - Tòa nhà Công ty 18-4, Số 8 Phạm Hùng, Phường Mai Dịch, Từ Liêm, Hà Nội	1.500.000	7,14%
3	Công ty CP Chứng Khoán Sài Gòn – Hà Nội	Số 66/UBCK-GP	Tầng 1, Toà 3 Trung tâm hội nghị Công đoàn, Số 1 Yên Kiêu Hoàn Kiếm HN	3.100.000	14,76%

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021:


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		220.429.202.181	221.659.183.576
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.361.996.005	2.481.867.095
Tiền	111	V.01	2.361.996.005	1.981.867.095
Các khoản tương đương tiền	112			500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	42.744.613.699	38.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		42.744.613.699	38.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91.181.014.917	90.290.219.878
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		45.188.954.227	46.203.957.237

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM	
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA	
Địa chỉ:	Tầng 10, Tòa nhà dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa
Điện thoại:	02373 724 668
Website:	http://www.pvc-th.vn
	Fax: 02373 757 886
	Email: info@pvc-th.vn

Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.114.762.966	2.247.937.686
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	42.877.297.724	41.838.324.955
Hàng tồn kho	140	V.07	82.270.355.207	87.441.003.429
Hàng tồn kho	141		82.270.355.207	87.441.003.429
Tài sản ngắn hạn khác	150		18.871.222.353	3.446.093.174
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	101.399.056	869.358.170
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.709.301.475	2.516.213.182
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	60.521.822	60.521.822
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		380.180.145.764	409.148.568.852
Các khoản phải thu dài hạn	210		111.488.102.893	138.281.947.038
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	70.133.414.792	70.133.414.792
Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03	39.286.577.950	39.286.577.950
Phải thu dài hạn khác	216	V.05	28.881.954.296	28.881.954.296
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	V.06	(26.813.844.145)	(20.000.000)
Tài sản cố định	220		556.066.260	962.220.272
Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	556.066.260	962.220.272
- Nguyên giá	222		2.418.045.067	7.632.336.470
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.861.978.807)	(6.670.116.198)
Bất động sản đầu tư	230	V.12	49.119.143.926	50.877.773.638
- Nguyên giá	231		73.235.868.711	73.235.868.711
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(24.116.724.785)	(22.358.095.073)
Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	218.968.857.670	218.968.857.670
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		199.600.912.198	199.600.912.198
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	19.367.945.472	19.367.945.472
Đầu tư tài chính dài hạn	250			
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.296.788.082	18.296.788.082
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(18.296.788.082)	(18.296.788.082)
Tài sản dài hạn khác	260		47.975.015	57.770.234
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	47.975.015	57.770.234
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		600.609.347.945	630.807.752.428
NGUỒN VỐN	MS	TM	0	0
			0	0
NỢ PHẢI TRẢ	300		516.458.846.926	513.371.597.134
Nợ ngắn hạn	310		117.540.701.365	113.900.168.149

	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA		
	Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa Điện thoại: 02373 724 668 Website: http://www.pvc-th.vn	Fax: 02373 757 886 Email: info@pvc-th.vn	

Phải trả người bán ngắn hạn	311		9.087.673.624	9.257.042.223
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		784.342.760	875.407.187
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	241.090.348	83.442.093
Phải trả người lao động	314		467.556.556	756.811.107
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	84.525.184.953	82.466.590.690
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		16.405.389.917	16.405.389.917
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	2.636.823.716	662.845.441
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.392.639.491	3.392.639.491
Nợ dài hạn	330		398.918.145.561	399.471.428.985
Phải trả dài hạn người bán	331		71.799.482.661	71.799.482.661
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		17.323.865.121	17.805.148.545
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		309.794.797.779	309.866.797.779
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		84150.501.019	117.436.155.294
Vốn chủ sở hữu	410	V.22	84.150.501.019	117.436.155.294
Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		6.355.535.090	6.355.535.090
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.567.942.490	1.567.942.490
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(133.772.976.561)	(100.487.322.286)
<i>LNST chưa phân phối (lũ) lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(100.487.322.286)	(94.620.859.527)
<i>LNST chưa phân phối (lũ) kỳ này</i>	421b		(33.285.654.275)	(5.866.462.759)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		600.609.654.275	630.807.752.428

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	10.841.468.353	6.521.144.146
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		10.841.468.353	6.521.144.146
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	12.295.141.315	8.290.403.708
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.453.672.962)	(1.769.259.562)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.599.261.871	4.559.503.819

7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.156.323.942	2.162.231.680
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.156.323.942	2.162.231.680
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		33.871.786.233	6.616.175.824
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(34.882.521.266)	(5.988.163.247)
11. Thu nhập khác	31	VI.05	1.602.332.417	367.092.535
12. Chi phí khác	32	VI.06	5.465.426	245.392.047
13. Lợi nhuận khác	40		1.596.866.991	121.700.488
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(33.285.654.275)	(5.866.462.759)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(33.285.654.275)	(5.866.462.759)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(1.585)	(279)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.08		

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(33.285.654.275)	(5.866.462.759)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.164.783.724	1.796.663.096
- Các khoản dự phòng	03	26.793.844.145	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.599.261.871)	(2.808.755.173)
- Chi phí lãi vay	06	2.156.323.942	2.162.231.680
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.769.964.335)	(4.716.323.156)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.058.605.406)	4.449.232.114
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5.170.648.222	(20.971.788.801)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	1.002.925.850	13.673.016.390
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	777.754.333	61.070.331
- Tiền lãi vay đã trả	14		
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(224.592.727)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(1.122.758.664)</i>	<i>(7.729.385.849)</i>

 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM PVC - TH	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA		
	Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa Điện thoại: 02373 724 668 Website: http://www.pvc-th.vn	Fax: 02373 757 886 Email: info@pvc-th.vn	

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(62.727.273)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.517.670.000 50.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(70.244.613.699) (69.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	65.500.000.000 76.567.255.868
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25	
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	27	2.056.313.945 1.912.250.509
		30	(1.170.629.754) 9.466.779.104
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	
2.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(72.000.000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(72.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>		50	(119.871.090) 1.737.393.255
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		60	2.481.867.095 744.473.840
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)		70	2.361.996.005 2.481.867.095

TRÍCH NGANG NHÂN SỰ BAN ĐIỀU HÀNH

1. Danh sách ban điều hành

a. Hội đồng quản trị

➤ *Họ và tên: Lê Anh Dũng (Chủ tịch HĐQT)*

Ngày tháng năm sinh : 02/09/1974

Hộ khẩu thường trú : P609, Tòa nhà Yên Hòa SunShine, đường Vũ Phạm Hàm, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh quốc tế trường Đại học Griggs Hoa Kỳ

➤ *Họ và tên: Vũ Đức Tiến (Phó chủ tịch)*

Ngày tháng năm sinh: 02/9/1973

Hộ khẩu thường trú : Căn hộ H12, Tòa nhà 96, Phố Định Cung, P. Thanh Xuân, TP Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán ngân hàng

➤ *Họ và tên: Phạm Văn Tú (Ủy viên)*

Ngày tháng năm sinh : 08/08/1985


Hộ khẩu thường trú : P1106CT4, chung cư Phú Sơn, Phường Phú Sơn, TP. Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

b. Ban Giám Đốc

➤ *Họ và tên: Phạm Văn Trường - Giám đốc Công ty*

Ngày tháng năm sinh : Ngày 12 tháng 05 năm 1978

	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA		
	Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa Điện thoại: 02373 724 668 Website: http://www.pvc-th.vn	Fax: 02373 757 886 Email: info@pvc-th.vn	

Hộ khẩu thường trú : P607 nhà 17 - T5 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính - Phường Nhân Chính - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi.

➤ *Họ và tên: Vũ Thị Hà - Phó Giám đốc*

Ngày tháng năm sinh : 08/08/1977

Hộ khẩu thường trú : SN 38H, đường Phú Thọ, P. Phú Sơn, TP. Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế Xây dựng

➤ *Họ và tên: Nguyễn Văn Quang - Phó Giám đốc.*

Ngày tháng năm sinh : 21/01/1977

Hộ khẩu thường trú : Số 46/4 đường Định Hòa, Phường Đông Cương, TP. Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

c. Ban Kiểm Soát

Họ và tên: Lê Văn Đức - Trưởng Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh : 15/01/1972

Hộ khẩu thường trú : 19/18 Cao Diễm, Phường Tân Sơn, TP Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng

Họ và tên: Đỗ Dương Thông - Thành viên BKS

Ngày tháng năm sinh : 12/11/1991

Hộ khẩu thường trú : Số 7 ngõ 85 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán kiểm toán

Họ và tên: Hoàng Ngọc Dũng - Thành viên BKS

Ngày tháng năm sinh : 31/12/1968

Hộ khẩu thường trú : SN 9 ngách 31 ngõ 108 Phố Ngọc Hà, Phường Đội Cán, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Kế toán doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Thanh Hóa.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- HĐQT (b/c);
- BKS (b/c);
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HOÁ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY LẬP
DẦU KHÍ
THANH
HÓA

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU
KHÍ THANH HÓA
DN: C=VN, S=Thanh Hoá,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH
HÓA,
OID.0.9.2342.19200300.100.
1.1=MST:2800947548
Reason: I am the author of
this document
Location: 2800947548
Date: 2022-06-13 10:13:03
Foxit Reader Version: 9.0.1

Tháng 05 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 38



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Văn Tú	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lê Văn Đức	Trưởng ban kiểm soát
Ông Hoàng Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Đỗ Dương Thông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Trường	Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2021)
Ông Đoàn Hữu Trác	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2021)
Bà Vũ Thị Hà	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Liêm	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Ông Phạm Văn Trường	Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2021)
Ông Đoàn Hữu Trác	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2021)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Văn Trường
Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 05 năm 2022

AGB

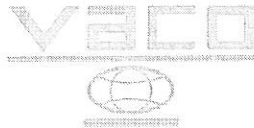
NG

NH

MT

AC

PHC



Số: 259 /VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 05 năm 2022, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho việc từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Do được bổ nhiệm sau ngày 31 tháng 12 năm 2021, chúng tôi không thực hiện được thủ tục tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế, do đó chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu của các khoản mục trên cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có số dư các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và trả trước người bán với tổng giá trị khoảng 180 tỷ VND. Chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi của khoản phải thu này, do đó chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng của số liệu trên liên quan đến khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, một số công trình đang tạm dừng triển khai có tổng chi phí phát sinh được tập hợp trên tài khoản “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” với số tiền khoảng 250 tỷ VND chưa được đánh giá trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết (nếu có) liên quan đến khoản mục “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” cũng như ảnh hưởng đến các khoản mục có liên quan khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, dự án “Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp I và khu tập kết vật tư, thiết bị xây dựng Khu liên hợp hóa dầu Nghi Sơn, Thanh Hóa tại xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa” đã bị chấm dứt theo Quyết định số 235/QĐ-BQLKKTNS của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn; tuy nhiên Công ty vẫn đang phân ánh chi phí liên quan đến công trình này trên khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” với hạng mục là “Dự án 157 ha Nghi Sơn” giá trị khoảng 19,4 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp, để đánh giá giá trị thu hồi hoặc tổn thất nếu có của khoản mục này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, chi phí đi vay và các khoản phạt (ước tính) liên quan đến dự án “Khu Tổ hợp Thương mại Dịch vụ nhà ở” từ năm 2015 đến 2021 chưa được ghi nhận trong Báo cáo tài chính là 421.029.479.937 VND. Trong đó, khoản lãi vay và chi phí phạt chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 ước tính khoảng 60,6 tỷ VND. Đồng thời nếu thực hiện theo yêu cầu này thì tổng nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Những dấu hiệu này cùng những vấn đề khác được nêu tại “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến” nêu trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng liên tục hoạt động của Công ty.

Như được trình bày tại thuyết minh số 21, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, toàn bộ các đợt phát sinh khối lượng hoàn thành của Công ty tại Công trình Quốc lộ 217 Cẩm Thủy đều đã được chủ đầu tư và tư vấn giám sát nghiệm thu. Hơn nữa, toàn bộ gói thầu 2.1 bao gồm hạng mục theo Hợp đồng thi công số 1004/2018/HĐXD/TN-PVCTH ngày 10 tháng 04 năm 2018 đã được các bên bàn giao, tiếp nhận và đưa công trình vào sử dụng vào ngày 22 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, do nhà thầu chính là Công ty TNHH Xây dựng Thống Nhất chưa thực hiện việc xác nhận khối lượng hoàn thành đợt 7,8 và quyết toán hợp đồng theo đúng quy định của hợp đồng và của pháp luật nên Công ty chưa phát hành hóa đơn giá trị gia tăng và ghi nhận doanh thu kịp thời. Công ty đang tạm ghi nhận khối lượng giá trị hoàn thành đợt 7,8 được chủ đầu tư xác nhận vào doanh thu chưa thực hiện đồng ghi nhận nợ phải thu từ Công ty TNHH Xây dựng Thống nhất. Nếu ghi nhận đúng theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì khoản phải thu khách hàng và khoản doanh thu chưa thực hiện giảm đi giá trị là 16.405.389.917 VND.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh

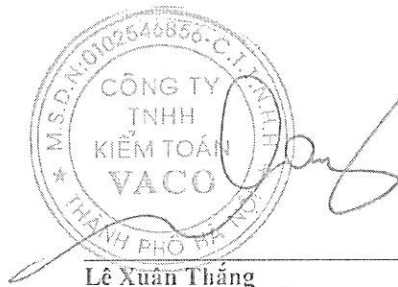
Chúng tôi lưu ý tới Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa đã chuyển nhượng dự án “Khách sạn Lam Kinh” cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh quản lý và khai thác sử dụng khi chưa có sự chấp thuận của PVComBank.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán số 94/2021/BCKT-CPAVIETNAM-NV4 ngày 30 tháng 03 năm 2021 đưa ra ý kiến từ chối.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2022-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2022

Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3652-2021-156-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		220.429.202.181	221.659.183.576
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.361.996.005	2.481.867.095
1. Tiền	111		2.361.996.005	1.981.867.095
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	42.744.613.699	38.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		42.744.613.699	38.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91.181.014.917	90.290.219.878
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	45.188.954.227	46.203.957.237
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.114.762.966	2.247.937.686
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	42.877.297.724	41.838.524.955
IV. Hàng tồn kho	140	9	82.270.355.207	87.441.003.429
1. Hàng tồn kho	141		82.270.355.207	87.441.003.429
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.871.222.353	3.446.093.174
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	101.399.056	869.358.170
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.709.301.475	2.516.213.182
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	60.521.822	60.521.822
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		380.180.145.764	409.148.568.852
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		111.488.102.893	138.281.947.038
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	70.133.414.792	70.133.414.792
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	39.286.577.950	39.286.577.950
3. Phải thu dài hạn khác	216	8	28.881.954.296	28.881.954.296
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	12	(26.813.844.145)	(20.000.000)
II. Tài sản cố định	220		556.066.260	962.220.272
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	556.066.260	962.220.272
- Nguyên giá	222		2.418.045.067	7.632.336.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.861.978.807)	(6.670.116.198)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	49.119.143.926	50.877.773.638
- Nguyên giá	231		73.235.868.711	73.235.868.711
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(24.116.724.785)	(22.358.095.073)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		218.968.857.670	218.968.857.670
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241	15	199.600.912.198	199.600.912.198
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	19.367.945.472	19.367.945.472
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	18.296.788.082	18.296.788.082
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17	(18.296.788.082)	(18.296.788.082)
V. Tài sản dài hạn khác	260		47.975.015	57.770.234
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	47.975.015	57.770.234
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		600.609.347.945	630.807.752.428

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		516.458.846.926	513.371.597.134
I. Nợ ngắn hạn	310		117.540.701.365	113.900.168.149
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	9.087.673.624	9.257.042.223
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	784.342.760	875.407.187
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	241.090.348	83.442.093
4. Phải trả người lao động	314		467.556.556	756.811.107
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	84.525.184.953	82.466.590.690
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	16.405.389.917	16.405.389.917
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	2.636.823.716	662.845.441
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.392.639.491	3.392.639.491
II. Nợ dài hạn	330		398.918.145.561	399.471.428.985
1. Phải trả người bán dài hạn	331	18	71.799.482.661	71.799.482.661
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	17.323.865.121	17.805.148.545
3. Vay dài hạn	338	23	309.794.797.779	309.866.797.779
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		84.150.501.019	117.436.155.294
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	84.150.501.019	117.436.155.294
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000	210.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.355.535.090	6.355.535.090
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.567.942.490	1.567.942.490
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(133.772.976.561)	(100.487.322.286)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(100.487.322.286)	(94.620.859.527)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(33.285.654.275)	(5.866.462.759)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		600.609.347.945	630.807.752.428



Phạm Văn Trường
Giám đốc
Thanh Hóa, ngày 17 tháng 05 năm 2022

Vũ Thị Hải
Phụ trách phòng Tài chính
- Kế toán

Trịnh Thị Hoạt
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		10.841.468.353	6.521.144.146
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	25	10.841.468.353	6.521.144.146
3. Giá vốn hàng bán	11	26	12.295.141.315	8.290.403.708
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(1.453.672.962)	(1.769.259.562)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	2.599.261.871	4.559.503.819
6. Chi phí tài chính	22	29	2.156.323.942	2.162.231.680
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.156.323.942	2.162.231.680
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	33.871.786.233	6.616.175.824
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		(34.882.521.266)	(5.988.163.247)
9. Thu nhập khác	31	31	1.602.332.417	367.092.535
10. Chi phí khác	32	32	5.465.426	245.392.047
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.596.866.991	121.700.488
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(33.285.654.275)	(5.866.462.759)
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(33.285.654.275)	(5.866.462.759)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	(1.585)	(279)



Phạm Văn Trường
Giám đốc
Thanh Hóa, ngày 17 tháng 05 năm 2022

Vũ Thị Hải
Phụ trách phòng Tài chính
- Kế toán

Trịnh Thị Hoạt
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(33.285.654.275)	(5.866.462.759)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.164.783.724	1.796.663.096
- Các khoản dự phòng	03	26.793.844.145	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.599.261.871)	(2.808.755.173)
- Chi phí lãi vay	06	2.156.323.942	2.162.231.680
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.769.964.335)	(4.716.323.156)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.058.605.406)	4.449.232.114
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5.170.648.222	(20.971.788.801)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.002.925.850	13.673.016.390
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	777.754.333	61.070.331
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(224.592.727)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.122.758.664	(7.729.385.849)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	-	(62.727.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.517.670.000	50.000.000
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(70.244.613.699)	(69.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	65.500.000.000	76.567.255.868
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.056.313.945	1.912.250.509
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.170.629.754)	9.466.779.104
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(72.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(72.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(119.871.090)	1.737.393.255
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.481.867.095	744.473.840
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	2.361.996.005	2.481.867.095



Phạm Văn Trường
Giám đốc
Thanh Hóa, ngày 17 tháng 05 năm 2022

Vũ Thị Hải
Phụ trách phòng Tài chính
- Kế toán

Trịnh Thị Hoạt
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa trước đây là Công ty Cổ phần Thịnh Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2800947548 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 02 năm 2006 và thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 10 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty là: 210.000.000.000 VND chia thành 21.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UpCom với mã giao dịch là PVH.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 43 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 39 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác lâm sản trừ gỗ; Trồng rừng và chăm sóc rừng, khai thác gỗ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê. Đầu tư cải tạo đất, đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê đã có hạ tầng, phát triển các dự án nhà ở trong khu đô thị, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động; Đại lý du lịch, điều hành tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ, xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, công trình đường dây và trạm biến áp đến 35kv, công trình thể thao ngoài trời, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị, khu kinh tế;
- Phá dỡ, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Kho bãi lưu giữ hàng hóa; và một số dịch vụ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Chi nhánh Khai thác Khoáng sản	Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại các Thuyết minh số 14;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a, b và c trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí khác: Các chi phí khác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Tòa nhà Dầu khí, đặt tại số 38A, Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành công trình; Dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (như: Số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: Tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều năm. Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số năm đã thu tiền trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cổ đông lớn
Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí Phía Bắc - PVC	Chi nhánh của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần thi công cơ giới và lắp máy dầu khí	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu khí	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Trường Sơn	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp và dân dụng Dầu khí	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết của cổ đông lớn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	126.162.673	180.980.839
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.235.833.332	1.800.886.256
Các khoản tương đương tiền	-	500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	500.000.000
Cộng	2.361.996.005	2.481.867.095

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	42.744.613.699	42.744.613.699	38.000.000.000	38.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	42.744.613.699	42.744.613.699	38.000.000.000	38.000.000.000

Ghi chú:

- (i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á, Ngân hàng Bản Việt và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông với lãi suất từ 5,9 - 6,3%/năm.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	45.188.954.227	46.203.957.237
a) Bên liên quan	13.810.395.096	13.960.395.096
Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc	12.245.671.252	12.245.671.252
Công ty Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	1.564.723.844	1.714.723.844
b) Đối tượng khác	31.378.559.131	32.243.562.141
Công ty TNHH Xây dựng Thống Nhất	12.901.106.232	12.901.106.232
Tổng Công ty Xây dựng số 01-TNHH Một thành viên	1.089.959.003	1.089.959.003
Ban Điều hành dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	5.492.296.492	10.563.296.502
Các đối tượng khác	11.895.197.404	7.689.200.404
Dài hạn	70.133.414.792	70.133.414.792
a) Bên liên quan	69.569.235.079	69.569.235.079
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam	15.700.057.135	15.700.057.135
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	8.608.599.625	8.608.599.625
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	45.260.578.319	45.260.578.319
b) Đối tượng khác	564.179.713	564.179.713
Ban Điều hành Dự án Nhà máy xo sợi Polyester Hải Phòng	564.179.713	564.179.713

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	3.114.762.966	2.247.937.686
a) Bên liên quan	1.088.870.000	1.088.870.000
Công ty Cổ phần Anh Phát Nghi Sơn	1.088.870.000	1.088.870.000
b) Đối tượng khác	2.025.892.966	1.159.067.686
Công ty Cổ phần Công nghiệp Nam Sơn	420.000.000	420.000.000
Các đối tượng khác	1.605.892.966	739.067.686
Dài hạn	39.286.577.950	39.286.577.950
a) Bên liên quan	34.583.560.480	34.583.560.480
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	29.355.863.103	29.355.863.103
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Trường Sơn	3.499.319.305	3.499.319.305
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	1.728.378.072	1.728.378.072
b) Đối tượng khác	4.703.017.470	4.703.017.470
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thăng Long	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hùng Đô	1.148.135.182	1.148.135.182
Khác	2.254.882.288	2.254.882.288

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<i>a) Ngắn hạn</i>				
- Tạm ứng	5.179.016.581	5.179.016.581	4.964.175.593	4.964.175.593
- Phải thu khác	37.698.281.143	37.698.281.143	36.874.149.362	36.874.149.362
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC ME)	362.654.029	362.654.029	362.654.029	362.654.029
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC	1.096.366.511	1.096.366.511	1.096.366.511	1.096.366.511
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	184.754.218	184.754.218	4.754.218	4.754.218
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	1.750.748.646	1.750.748.646	1.750.748.646	1.750.748.646
<i>Đối tượng khác</i>				
Phải thu các nhà thầu Dự án Nghi Sơn (i)	24.730.140.084	24.730.140.084	24.730.140.084	24.730.140.084
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng (ii)	6.942.986.111	6.942.986.111	6.942.986.111	6.942.986.111
Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu Khí (PVCR)	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội	560.850.993	560.850.993	560.850.993	560.850.993
Công ty Bảo hiểm PVI Thanh Hóa	1.273.100.000	1.273.100.000	1.273.100.000	1.273.100.000
Khác	696.680.551	696.680.551	52.548.770	52.548.770
<i>a) Dài hạn</i>				
- Ký cược, ký quỹ	34.000.000	34.000.000	34.000.000	34.000.000
- Phải thu khác	28.847.954.296	28.847.954.296	28.847.954.296	28.847.954.296
Ông Dương Trọng Hưng	7.598.015.237	7.598.015.237	7.598.015.237	7.598.015.237
Ông Nguyễn Trung Liêm	7.122.279.690	7.122.279.690	7.122.279.690	7.122.279.690
Ông Lương Hoàng	10.367.791.662	10.367.791.662	10.353.525.966	10.353.525.966
Các đối tượng khác	3.759.867.707	3.759.867.707	3.774.133.403	3.774.133.403

Ghi chú:

- (i) Bao gồm các khoản chi phí xây dựng hệ thống chiếu sáng, các chi phí chung và các khoản chi phí quyền góp từ thiện, kinh phí khen thưởng Ban quản lý mà Công ty sẽ phân bổ cho các nhà thầu phụ tham gia công trình lọc hóa dầu Nghi Sơn theo tỷ lệ khối lượng của mỗi nhà thầu khi có quyết toán.
- (ii) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 24/2011/HĐHTĐT-PVC.TH-PVSH ngày 08/09/2011, Công ty chuyển giao 27.500.000.000 VND cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng để đầu tư vào dự án Khu đô thị PVSH Garden tại huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai với mức phí sử dụng vốn là 17%/năm trong 180 ngày kể từ thời điểm Công ty giao vốn. Công ty đã dừng thu phí sử dụng vốn tại thời điểm 30/06/2013. Tại thời điểm 31/12/2021, số dư phí sử dụng vốn là 6.942.986.111 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	82.270.355.207	-	87.441.003.429	-
- Dự án SLMB Liên hợp LHD Nghi Sơn	31.945.976.121	-	31.945.976.121	-
- Công trình 217 Cẩm Thủy	18.515.198.435	-	18.343.760.323	-
- Công trình Trạm phát điện Thái Bình	8.303.796.034	-	7.390.709.165	-
- Khác	23.505.384.617	-	29.760.557.820	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	101.399.056	869.358.170
Công cụ dụng cụ xuất dùng	93.399.056	342.440.675
Chi phí khác	8.000.000	526.917.495
b) Dài hạn	47.975.015	57.770.234
Công cụ dụng cụ xuất dùng	47.975.015	57.770.234

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.521.822	-	-	60.521.822
Cộng	60.521.822	-	-	60.521.822
b) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	31.084.695	-	-	31.084.695
Thuế tài nguyên	3.953.586	-	-	3.953.586
Thuế thu nhập cá nhân	36.135.465	8.559.811	32.398.586	12.296.690
Các loại thuế, phí khác	2.823.990	-	-	2.823.990
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	9.444.357	190.931.387	9.444.357	190.931.387
Cộng	83.442.093	204.491.198	46.842.943	241.090.348

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Đơn vị: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Phải thu khách hàng	1.233.067.673	137.920.644	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Nghi Sơn	773.332.193	-	-	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Nam Sơn	459.735.480	137.920.644	-	-
b) Phải thu khác	25.192.552.438	-	-	-
Ông Lương Hoàng	10.367.791.662	-	-	-
Ông Dương Trọng Hưng	7.598.015.237	-	-	-
Ông Nguyễn Trung Liêm	7.137.808.143	-	-	-
Các đối tượng khác	88.937.396	-	-	-
c) Tạm ứng	506.144.678	-	-	-
Ban Điều hành BLD3B Công ty - Anh Hưng	309.460.703	-	-	-
Ban Quản lý các Dự án PVC-TH tại Nghi Sơn - Anh Liêm	80.901.410	-	-	-
Ban Chỉ huy công trường 25ha - Anh Liêm	76.852.802	-	-	-
Ban Điều hành San lấp mặt bằng Nghi Sơn - Dương Trọng Hưng	20.000.000	-	-	-
Ban Chỉ huy thi công đài cọc Nghi sơn - Anh Liêm	18.929.763	-	-	-
d) Trả trước cho người bán	20.000.000	-	20.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư phát triển Bắc Sông Mã	20.000.000	-	20.000.000	-
Cộng	26.951.764.789	137.920.644	20.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị đụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	293.528.482	1.440.554.044	5.638.826.995	259.426.949	7.632.336.470
- Thanh lý, nhượng bán	-	(969.758.589)	(4.244.532.814)	-	(5.214.291.403)
Số dư cuối năm	293.528.482	470.795.455	1.394.294.181	259.426.949	2.418.045.067
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	285.037.452	1.419.706.739	4.758.959.717	206.412.290	6.670.116.198
- Khấu hao trong năm	3.918.933	16.864.619	372.825.000	12.545.460	406.154.012
- Thanh lý, nhượng bán	-	(969.758.589)	(4.244.532.814)	-	(5.214.291.403)
Số dư cuối năm	288.956.385	466.812.769	887.251.903	218.957.750	1.861.978.807
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	8.491.030	20.847.305	879.867.278	53.014.659	962.220.272
Số dư cuối năm	4.572.097	3.982.686	507.042.278	40.469.199	556.066.260

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.210.795.925 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 6.465.367.004 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ		
Số dư đầu năm	73.235.868.711	73.235.868.711
Số dư cuối năm	73.235.868.711	73.235.868.711
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	22.358.095.073	22.358.095.073
- Khấu hao trong năm	1.758.629.712	1.758.629.712
Số dư cuối năm	24.116.724.785	24.116.724.785
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	50.877.773.638	50.877.773.638
Số dư cuối năm	49.119.143.926	49.119.143.926

Bất động sản đầu tư cho thuê duy nhất mà Công ty sở hữu và kinh doanh từ năm 2015 là Tòa nhà Dầu khí, đặt tại số 38A, Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa. Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư này để đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỠ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang				
Dự án "Khu tổ hợp Thương mại Dịch vụ nhà ở" (i)	199.600.912.198	199.600.912.198	199.600.912.198	199.600.912.198
Cộng	199.600.912.198	199.600.912.198	199.600.912.198	199.600.912.198

Ghi chú:

- (i) Dự án có tên gọi "Khu tổ hợp Thương mại Dịch vụ nhà ở chung cư" của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Thanh hóa được xây dựng trên khu đất có diện tích 32.275,5 m² giáp Đại lộ Lê Lợi, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa. Dự án được chia làm 2 tiểu dự án thành phần gồm "Dự án Khách sạn Lam Kinh" trên khu đất có diện tích 18.791,9 m² và "Dự án giai đoạn 2" trên khu đất có diện tích 13.483,6m².

Ngày 30 tháng 11 năm 2011, Công ty đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng số 41/2011/HĐCN với Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (KSLK) về việc Công ty chuyển nhượng "Dự án Khách sạn Lam Kinh" cho KSLK với tổng giá trị chuyển nhượng tài sản dự án "bằng giá trị quyết toán vốn đầu tư xây dựng Khách sạn Lam Kinh đã được phê duyệt và kiểm toán theo quy định". Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng trên vẫn chưa hoàn tất.

Đồng thời trong năm 2017, "Dự án giai đoạn 2", Công ty đã chuyển nhượng dự án cho Công ty Cổ phần Mai Tuấn Nghĩa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒ DANG DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

Như trình bày tại Thuyết minh số 23 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, dự án này đang được thế chấp cho khoản vay tại Công ty Tài chính Dầu khí Thanh Hóa (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa). Theo đó, việc chuyển nhượng dự án phải được sự chấp thuận của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang				
Dự án 157ha Nghi Sơn (i)	19.367.945.472	19.367.945.472	19.367.945.472	19.367.945.472
Cộng	19.367.945.472	19.367.945.472	19.367.945.472	19.367.945.472

Ghi chú:

- (i) Theo Quyết định số 235/QĐ-BQLKKTNS ngày 01/08/2013 của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn, dự án này đã bị chấm dứt; theo đó, ngày 24/09/2014, Công ty đã có biên bản làm việc với đối tác là Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương Mại Anh Phát - CTCP về việc thỏa thuận hoàn trả chi phí đã đầu tư tại dự án, tổng số là 26.422.536.093 VND, trong đó giá trị đầu tư thống nhất được hoàn trả là 14.760.774.232 VND, giá trị chưa được thống nhất là 11.661.761.861 VND liên quan tới chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Công ty đã ứng cho các hộ dân để thu hồi đất do chưa hoàn thiện các thủ tục có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐẦU KHI THANH HÓA
 Tầng 10 Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi,
 phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa

MÃU SỐ B 09-DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (i)	18.296.788.082		(18.296.788.082)	(18.296.788.082)
Cộng	18.296.788.082		(18.296.788.082)	(18.296.788.082)

Ghi chú:

- (i) Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh có vốn điều lệ 190.000.000.000 VND chia thành 19.000.000 cổ phần, Công ty sở hữu giữ 9,63% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản dự phòng cho khoản đầu tư trên được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh. Tại ngày 31/12/2021, vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh là âm 29.852.509.182 VND.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>9.087.673.624</i>	<i>9.087.673.624</i>	<i>9.257.042.223</i>	<i>9.257.042.223</i>
a) Bên liên quan	1.203.807.322	1.203.807.322	1.141.626.750	1.141.626.750
Chi nhánh xây lắp công trình dầu khí phía Bắc - PVC	1.141.626.750	1.141.626.750	1.141.626.750	1.141.626.750
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	62.180.572	62.180.572	-	-
b) Đối tượng khác	7.883.866.302	7.883.866.302	8.115.415.473	8.115.415.473
Tổng Công ty Xây dựng số 01 - TNHH MTV	2.088.089.500	2.088.089.500	2.088.089.500	2.088.089.500
Công ty Xây lắp điện TNP Việt Nam	480.429.026	480.429.026	480.429.026	480.429.026
Công ty TNHH Một thành viên Nam Khánh	286.479.393	286.479.393	286.479.393	286.479.393
Các đối tượng khác	5.028.868.383	5.028.868.383	5.260.417.554	5.260.417.554
<i>Dài hạn</i>	<i>71.799.482.661</i>	<i>71.799.482.661</i>	<i>71.799.482.661</i>	<i>71.799.482.661</i>
a) Bên liên quan	50.297.798.462	50.297.798.462	50.297.798.462	50.297.798.462
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	24.818.030.770	24.818.030.770	24.818.030.770	24.818.030.770
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí	21.012.012.224	21.012.012.224	21.012.012.224	21.012.012.224
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội	1.781.771.063	1.781.771.063	1.781.771.063	1.781.771.063
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu khí	1.194.563.979	1.194.563.979	1.194.563.979	1.194.563.979
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Nghệ An	810.495.359	810.495.359	810.495.359	810.495.359
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	626.803.218	626.803.218	626.803.218	626.803.218
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Nghệ An	54.121.849	54.121.849	54.121.849	54.121.849
b) Đối tượng khác	21.501.684.199	21.501.684.199	21.501.684.199	21.501.684.199
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	6.899.276.718	6.899.276.718	6.899.276.718	6.899.276.718
Công ty Cổ phần COSEVCO I	4.268.443.861	4.268.443.861	4.268.443.861	4.268.443.861
Công ty TNHH Minh Hằng	2.361.558.818	2.361.558.818	2.361.558.818	2.361.558.818
Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Bắc Sơn	1.549.327.975	1.549.327.975	1.549.327.975	1.549.327.975
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Nghệ An	1.318.048.477	1.318.048.477	1.318.048.477	1.318.048.477
Công ty TNHH Tùng Giang	1.233.761.111	1.233.761.111	1.233.761.111	1.233.761.111
Các đối tượng khác	3.871.267.239	3.871.267.239	3.871.267.239	3.871.267.239



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Bên liên quan	44.213.000	44.213.000
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	44.213.000	44.213.000
b) Đối tượng khác	740.129.760	831.194.187
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC Faros	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Thống Nhất	200.000.000	200.000.000
Các đối tượng khác	40.129.760	131.194.187
Cộng	<u>784.342.760</u>	<u>875.407.187</u>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công trình lán trại tạm 8,2 ha	-	97.729.679
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	84.525.184.953	82.368.861.011
Cộng	<u>84.525.184.953</u>	<u>82.466.590.690</u>

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) <i>Ngắn hạn</i>	16.405.389.917	16.405.389.917
Công trình quốc lộ 217 Cẩm Thủy (Giá trị khối lượng hoàn thành đợt 7,8) (i)	16.405.389.917	16.405.389.917
b) <i>Dài hạn</i>	17.323.865.121	17.805.148.545
Bất động sản đầu tư cho thuê	17.323.865.121	17.805.148.545

Ghi chú:

- (i) Theo điều khoản thanh toán của Hợp đồng thi công số 1004/2018/HĐXD/TN-PVCTH ngày 10/04/2018 giữa Công ty TNHH Xây dựng Thống nhất và PVC-TH về việc thi công xây dựng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn tuyến KM 67+248 đến KM73+00 thuộc Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 217, Công ty TNHH Xây dựng Thống nhất (Bên A - Tổng thầu) sẽ thanh toán cho PVC-TH (Bên B - Thâu phụ) từng đợt theo tiến độ nghiệm thu/thanh toán của Bên A với chủ đầu tư. Mỗi đợt khối lượng hoàn thành của PVC-TH được chủ đầu tư và tư vấn giám sát nghiệm thu thì Bên A sẽ thanh toán cho PVC-TH 95% giá trị hoàn thành. Tại thời điểm 31/12/2020, toàn bộ các đợt phát sinh khối lượng hoàn thành của PVC-TH đều đã được chủ đầu tư và tư vấn giám sát nghiệm thu. Thêm vào đó, toàn bộ gói thầu 2.1 trong đó có hạng mục theo hợp đồng xây dựng nêu trên đã được các bên bàn giao, tiếp nhận và đưa công trình vào sử dụng vào ngày 22/12/2020. Tuy nhiên, do Công ty TNHH Xây dựng Thống nhất chưa thực hiện việc xác nhận khối lượng hoàn thành đợt 7,8 và quyết toán hợp đồng theo đúng quy định của hợp đồng và của pháp luật nên PVC-TH chưa phát hành hóa đơn giá trị gia tăng và ghi nhận doanh thu kịp thời. Công ty đang tạm ghi nhận khối lượng giá trị hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận vào doanh thu chưa thực hiện đồng thời ghi nhận nợ phải thu từ Công ty TNHH Xây dựng Thống nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
	<u>2.636.823.716</u>	<u>662.845.441</u>
- Kinh phí công đoàn	197.197.265	184.248.441
- Các khoản khác:	2.439.626.451	478.597.000
<i>a) Trong đó: Phải trả là các bên liên quan</i>	<i>2.500.000</i>	<i>2.500.000</i>
- Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.500.000	2.500.000
<i>b) Khác</i>	<i>2.437.126.451</i>	<i>476.097.000</i>
Cộng	<u><u>2.636.823.716</u></u>	<u><u>662.845.441</u></u>

CH
T
E
N
V
H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tặng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (i)	307.480.254.505	307.480.254.505	-	(72.000.000)	307.408.254.505	307.408.254.505
Ông Nguyễn Trung Liềm	119.113.274	119.113.274	-	-	119.113.274	119.113.274
Bà Vũ Thúy Hạnh	1.867.430.000	1.867.430.000	-	-	1.867.430.000	1.867.430.000
Ông Nguyễn Duy Linh	400.000.000	400.000.000	-	-	400.000.000	400.000.000
Cộng	309.866.797.779	309.866.797.779	-	(72.000.000)	309.794.797.779	309.794.797.779

Ghi chú:

(i) Ngày 18/02/2011, Công ty ký Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án số 08/2011/HBCNDA/PVFCland-PVC-TH với Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam, theo hợp đồng Công ty nhận lại khoản vay của Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam vay của Tổng Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam). Khoản vay chi tiết theo Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTD-DH/0403210, Phụ lục hợp đồng số 01/2010/HĐTD-DH/0403210. Mục đích sử dụng vốn là thanh toán các chi phí thuộc tổng mức đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh với hạn mức 295.000.000 VND. Thời hạn vay là từ ngày 27/12/2010 đến ngày 15/04/2022. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng 1 lần tính từ ngày 15/01/2011, lãi tiền vay trả định kỳ theo quý tính từ ngày 27/12/2010. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh, nguồn thu từ dự án và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư từ dự án.

Ngày 28/01/2011, Công ty ký Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD-DH/PVFCCTL08/PL02 với Tổng Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long và với Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam, theo đó Công ty nhận chuyển giao khoản vay của Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam vay của Tổng Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam). Khoản vay chi tiết của Hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD-DH/PVFCCTL08, Phụ lục hợp đồng số 14/HĐTD-DH/PVFCCTL08 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 28/01/2011, số tiền vay là 26.259.885.960 VND, mục đích sử dụng vốn là đầu tư tòa nhà văn phòng tại 38A Đại lộ Lê Lợi, thời hạn vay là 10 năm tính từ ngày 24/12/2010, lãi tiền vay trả định kỳ theo quý tính từ ngày 24/12/2010, lãi suất được điều chỉnh theo quý. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ Tòa nhà Dầu khí tại 38A Lê Lợi tại thành phố Thanh Hóa.

Theo thư xác nhận số dư của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam số 2292/PVB-QL&ICTTS ngày 19/01/2022, chi phí đi vay và các khoản phạt (ước tính) liên quan đến dự án “Khu Tò hợp Thương mại Dịch vụ nhà ở” từ năm 2015 đến ngày 31/12/2021 Công ty chưa chi trả cho Ngân hàng số tiền là 507.710.988.832 VND, trong đó Công ty đã hạch toán trích trước trên chi phí phải trả với giá trị là 84.525.184.953 VND (chi tiết tại Thuyết minh số 20 - Chi phí phải trả ngắn hạn phần Thuyết minh Báo cáo tài chính), giá trị còn lại 423.185.803.879 VND chưa được hạch toán trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 (trong đó khoản lãi và chi phí phạt cho năm 2021 (ước tính) là 60.620.213.338 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	210.000.000.000	1.567.942.490	6.355.535.090	(94.620.859.527)	123.302.618.053
Lỗ trong năm	-	-	-	(5.866.462.759)	(5.866.462.759)
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000	1.567.942.490	6.355.535.090	(100.487.322.286)	117.436.155.294
Lỗ trong năm	-	-	-	(33.285.654.275)	(33.285.654.275)
Số dư cuối năm nay	210.000.000.000	1.567.942.490	6.355.535.090	(133.772.976.561)	84.150.501.019

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800947548 thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 10 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, chi tiết vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	75.600.000.000	36,00%	75.600.000.000	36,00%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	31.000.000.000	14,76%	31.000.000.000	14,76%
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thái Bình Dương	15.000.000.000	7,14%	-	0,00%
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	1.400.000.000	0,67%	1.400.000.000	0,67%
Cổ đông khác	87.000.000.000	41,43%	102.000.000.000	48,57%
Cộng	210.000.000.000	100,00%	210.000.000.000	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

25. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	10.226.067.837	5.701.965.633
Doanh thu cung cấp dịch vụ	615.400.516	819.178.513
<i>Trong đó: Doanh thu cho thuê bất động sản</i>	<i>615.400.516</i>	<i>738.207.931</i>
Doanh thu thuần	10.841.468.353	6.521.144.146

26. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	9.735.542.794	5.473.887.008
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.559.598.521	2.816.516.700
<i>Trong đó: Giá vốn cho thuê bất động sản</i>	<i>2.559.598.521</i>	<i>2.816.516.700</i>
Cộng	12.295.141.315	8.290.403.708

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.010.219.845	17.806.567.846
Chi phí nhân công	6.543.107.127	10.389.784.811
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.164.783.724	1.796.663.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.803.681.862	3.842.507.076
Dự phòng	26.793.844.145	-
Chi phí khác	1.680.642.623	3.121.643.790
Cộng	40.996.279.326	36.957.166.619

28. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.599.261.871	2.808.755.173
Lãi chậm thanh toán	-	1.750.748.646
Cộng	2.599.261.871	4.559.503.819

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.156.323.942	2.162.231.680
Cộng	2.156.323.942	2.162.231.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.182.587.420	3.825.215.732
Chi phí đồ dùng văn phòng	103.968.948	87.709.818
Chi phí khấu hao TSCĐ	385.370.460	17.730.356
Thuế, phí và lệ phí	10.793.575	40.346.116
Chi phí dự phòng	26.793.844.145	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	886.372.036	1.058.236.058
Các khoản chi phí khác	1.508.849.649	1.586.937.744
Cộng	33.871.786.233	6.616.175.824

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chuyển nhượng tài sản	-	237.286.000
Thanh lý tài sản	1.504.572.728	95.590.000
Thu nhập khác	97.759.689	34.216.535
Cộng	1.602.332.417	367.092.535

32. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	-	100.000.001
Tiền phạt thuế và phạt khác	5.465.245	-
Chi phí khác	181	145.392.046
Cộng	5.465.426	245.392.047

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(33.285.654.275)	(5.866.462.759)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	27.670.822.716	-
Cộng: Chi phí không được trừ	27.670.822.716	-
Cộng: Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu năm nay	-	-
Thu nhập chịu thuế	(5.614.831.559)	(5.866.462.759)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận cho mục đích tính thuế không có sự khác biệt so với lợi nhuận kế toán. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có khoản lỗ lũy kế còn được chuyển lỗ là 20.752.062.446 VND. Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2021 phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng trên Báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này được chuyển lỗ trong thời gian tối đa 5 năm (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Đơn vị: VND					
Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Tình trạng	Số lỗ tính thuế được chuyển	Số lỗ tính thuế đã chuyển	Số lỗ tính thuế còn được chuyển
2018	2018 - 2022	Chưa quyết toán	(1.493.508.616)	-	(1.493.508.616)
2019	2019 - 2023	Chưa quyết toán	(7.777.259.512)	-	(7.777.259.512)
2020	2020 - 2024	Chưa quyết toán	(5.866.462.759)	-	(5.866.462.759)
2021	2021 - 2025	Chưa quyết toán	(5.614.831.559)	-	(5.614.831.559)
Cộng			(20.752.062.446)	-	(20.752.062.446)

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	(33.285.654.275)	(5.866.462.759)
Lợi nhuận để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(33.285.654.275)	(5.866.462.759)
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.585)	(279)
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các Thuyết minh số 06, 07, 08, 18, 19 và 22; Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu và thu nhập khác	-	1.750.748.646
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	-	1.750.748.646
Mua hàng	120.000.000	-
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh	120.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc trong năm:

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị		375.952.641	317.033.166
Ông Lê Anh Dũng	Chủ tịch	339.952.641	281.033.166
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Ông Phạm Văn Tú	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc		807.939.652	500.555.092
Ông Đoàn Hữu Trác	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14/10/2021)	268.619.912	20.636.000
Ông Phạm Văn Trường	Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 14/10/2021)	37.582.640	-
Bà Vũ Thị Hà	Phó Giám đốc	261.133.550	268.494.910
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Giám đốc	240.603.550	211.424.182
Ban kiểm soát		36.000.000	14.000.000
Ông Lê Văn Đức	Trưởng ban	12.000.000	1.000.000
Ông Hoàng Ngọc Dũng	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Ông Đỗ Dương Thông	Thành viên	12.000.000	1.000.000
Cộng		1.219.892.293	831.588.258

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 716.167.104 VND là số tiền lãi phải thu trong năm mà chưa thu được nhưng đã bao gồm 173.219.178 VND là số tiền lãi phải thu năm trước đã thu được trong năm này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác bao gồm số tiền đã thu được từ việc bán thanh lý tài sản cố định trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	309.794.797.779	309.866.797.779
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(2.361.996.005)	(2.481.867.095)
Nợ thuần	307.432.801.774	307.384.930.684
Vốn chủ sở hữu	84.150.501.019	117.436.155.294
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	3,65	2,62

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.361.996.005	2.361.996.005	2.481.867.095	2.481.867.095
Phải thu khách hàng	114.227.221.990	114.227.221.990	116.337.372.029	116.337.372.029
Phải thu khác	74.942.509.200	74.942.509.200	99.602.233.547	99.602.233.547
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.296.788.082	18.296.788.082	18.296.788.082	18.296.788.082
Tổng cộng	209.828.515.277	209.828.515.277	236.718.260.753	236.718.260.753
Công nợ tài chính				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	309.794.797.779	309.794.797.779	309.866.797.779	309.866.797.779
Phải trả người bán	80.887.156.285	80.887.156.285	81.056.524.884	81.056.524.884
Chi phí phải trả	84.525.184.953	84.525.184.953	82.466.590.690	82.466.590.690
Phải trả khác	2.439.626.451	2.439.626.451	478.597.000	478.597.000
Tổng cộng	477.646.765.468	477.646.765.468	473.868.510.353	473.868.510.353

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Dưới 1 năm	Từ 2 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.361.996.005	-	-	2.361.996.005
Phải thu khách hàng	44.093.807.198	70.133.414.792	-	114.227.221.990
Phải thu khác	46.060.554.904	28.881.954.296	-	74.942.509.200
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	18.296.788.082	-	18.296.788.082
Tổng cộng	92.516.358.107	117.312.157.170	-	209.828.515.277
Số cuối năm				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	309.794.797.779	-	309.794.797.779
Phải trả người bán	9.087.673.624	71.799.482.661	-	80.887.156.285
Chi phí phải trả	84.525.184.953	-	-	84.525.184.953
Phải trả khác	2.439.626.451	-	-	2.439.626.451
Tổng cộng	96.052.485.028	381.594.280.440	-	477.646.765.468
Chênh lệch thanh khoản thuần	(3.536.126.921)	(264.282.123.270)	-	(267.818.250.191)
	Dưới 1 năm	Từ 2 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.481.867.095	-	-	2.481.867.095
Phải thu khách hàng	46.203.957.237	70.133.414.792	-	116.337.372.029
Phải thu khác	70.720.279.251	28.881.954.296	-	99.602.233.547
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	18.296.788.082	-	18.296.788.082
Tổng cộng	119.406.103.583	117.312.157.170	-	236.718.260.753
Số đầu năm				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	309.866.797.779	-	309.866.797.779
Phải trả người bán	9.257.042.223	71.799.482.661	-	81.056.524.884
Chi phí phải trả	82.466.590.690	-	-	82.466.590.690
Phải trả khác	478.597.000	-	-	478.597.000
Tổng cộng	92.202.229.913	381.666.280.440	-	473.868.510.353
Chênh lệch thanh khoản thuần	27.203.873.670	(264.354.123.270)	-	(237.150.249.600)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Trong đó một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh:

Đơn vị: VND

Khoản mục	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số trình bày lại	Ghi chú
Bảng Cân đối kế toán					
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18.296.788.082	18.296.788.082	-	(i)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	(18.296.788.082)	18.296.788.082	(i)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.105.797.722	230.390.535	875.407.187	(ii)
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	97.729.679	(82.368.861.011)	82.466.590.690	(iii)
Phải trả ngắn hạn khác	319	82.801.315.917	82.138.470.476	662.845.441	(ii),(iii)

Ghi chú:

- (i) Điều chỉnh phân loại lại khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính.
- (ii) Điều chỉnh phân loại lại khoản đặt cọc của khách hàng.
- (iii) Điều chỉnh phân loại lại trích trước chi phí lãi vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam.



Phạm Văn Trường
Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 05 năm 2022

Vũ Thị Hải
Phụ trách phòng Tài chính
- Kế toán

Trịnh Thị Hoạt
Người lập biểu